

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 1407/QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 07 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ
sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT19) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng
SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt
phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc
Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn,
dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và
mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của
Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc
Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số
1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-CTCP397 ngày 28/06/2026 của Giám đốc
Công ty Cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết
bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ
tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026
(GT19) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục
vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 30/06/2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 30/06/2026 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự
toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị
Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT19) thuộc kế hoạch
Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng
cuối năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 30/06/2026 của Tổ thẩm định dự toán và
KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua
vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối
năm 2026 (GT19) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar
(CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT19) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: 7.832.464.550 đồng.

(Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi đồng) (Đã bao gồm thuế VAT).

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT19).

- Giá trị gói thầu: 7.832.464.550 đồng

(Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi đồng) (Đã bao gồm thuế VAT).

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 06 năm 2026.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 161 ngày.

- Tuỳ chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.



GIÁM ĐỐC

Kiều Văn Sính

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

*(Kèm theo quyết định phê duyệt số 1407/QĐ-CTCP397 ngày 20/06.../2026
của Công ty cổ phần 397)*

STT	Nội dung hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Thuế xuất	Tiền thuế	Ghi chú
1	Ca ngoài vòng bi bị động 030-0060	Cái	2	1.764.923	3.529.845	8	276.851	
2	Gioăng 030-4605	Cái	5	56.164	280.821	8	22.025	
3	Gioăng tròn 030-4606	Cái	5	139.863	699.314	8	54.848	
4	Gioăng 033-5853 214-7566	Cái	5	175.113	875.566	8	68.672	
5	Gioăng tròn 238-5081 033-6027 238-5081	Cái	7	359.800	2.518.599	8	197.537	
6	Gioăng đầu ống nhiên liệu 033-6033	Cái	12	283.747	3.404.960	8	267.056	
7	Gioăng giắc điện kim phun 033-6034 330-8197	Cái	20	401.677	8.033.540	8	630.082	
8	Gioăng 033-6039 228-7089	Cái	10	294.965	2.949.646	8	231.345	
9	Gioăng ống lót vòi phun 061-8561 346-4897	Cái	12	625.307	7.503.683	8	588.524	
10	Gioăng 103-8236 373-9231	Cái	10	394.540	3.945.401	8	309.443	
11	Vòng bi 106-7799	Vòng	2	3.182.157	6.364.314	8	499.162	
12	Phin lọc gió trong ca bin 107-0266	Cái	10	1.530.000	15.300.000	8	1.200.000	
13	Gioăng ống lót vòi phun 107-9570	Cái	12	268.958	3.227.492	8	253.137	
14	Gioăng phần mặt máy 108-5803 238-5079	Cái	12	266.914	3.202.963	8	251.213	
15	Gioăng phần mặt máy 108-5806 238-5086	Cái	12	587.993	7.055.919	8	553.405	
16	Gioăng 109-0072	Cái	10	428.770	4.287.703	8	336.290	
17	Gioăng 109-0073	Cái	10	450.188	4.501.882	8	353.089	
18	Gioăng 109-0074	Cái	10	623.264	6.232.639	8	488.834	
19	Gioăng 109-0075	Cái	10	576.796	5.767.957	8	452.389	
20	Gioăng 109-0076	Cái	10	492.643	4.926.427	8	386.386	
21	Gioăng tròn 109-0077	Cái	10	743.115	7.431.149	8	582.835	
22	Gioăng 109-0078	Cái	10	394.540	3.945.401	8	309.443	
23	Gioăng 109-3206 214-7567	Cái	10	255.186	2.551.856	8	200.146	
24	Gioăng 109-9685 238-5078	Cái	10	260.287	2.602.867	8	204.146	
25	Xéc măng máy nén khí 110-1337	Bộ	2	3.679.522	7.359.044	8	577.180	
26	Gioăng xi lanh 110-2220	Cái	12	770.719	9.248.630	8	725.383	
27	Gioăng 112-1574	Cái	5	345.641	1.728.205	8	135.545	
28	Gioăng tròn 112-1579 112-1579 467-2620	Cái	5	760.701	3.803.507	8	298.314	
29	Gioăng tròn 112-1580	Cái	5	538.606	2.693.028	8	211.218	
30	Gioăng 112-5282	Cái	5	102.631	513.157	8	40.248	
31	Gioăng 114-2687	Cái	10	315.486	3.154.860	8	247.440	
32	Gioăng đường khí 114-4427	Cái	10	214.403	2.144.030	8	168.159	
33	Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7220	Cái	20	498.190	9.963.809	8	781.475	
34	Gioăng cầu dầu đầu vòi phun 116-7221	Cái	20	391.498	7.829.969	8	614.115	
35	Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7222	Cái	20	310.325	6.206.496	8	486.784	
36	Trục bánh răng trung gian buồng trước 117-9712	Cái	1	19.422.014	19.422.014	8	1.523.295	

37	Gioăng 118-5068	Cái	10	107.731	1.077.310	8	84.495
38	Gioăng 118-7214	Cái	10	214.959	2.149.588	8	168.595
39	Dây điện vào van điện từ bơm ép 121-0596	Cái	5	1.518.021	7.590.106	8	595.302
40	Xu páp xả 122-0321	Cái	24	2.665.325	63.967.807	8	5.017.083
41	Xu páp hút 122-0322	Cái	24	2.790.403	66.969.667	8	5.252.523
42	Gioăng phanh 123-7268	Cái	10	860.786	8.607.860	8	675.126
43	Gioăng phanh 123-7271	Cái	10	1.000.650	10.006.497	8	784.823
44	Gioăng bầu phanh 123-7272	Cái	10	1.023.153	10.231.531	8	802.473
45	Gioăng phanh 124-3520	Cái	10	802.076	8.020.761	8	629.079
46	Lò xo căng puly cánh quạt 125-5071	Cái	3	6.845.432	20.536.295	8	1.610.690
47	Gioăng bằng trước 125-9794 259-4598	Cái	5	1.090.026	5.450.129	8	427.461
48	Phin lọc dầu lái 126-1813	Cái	30	2.598.791	77.963.720	8	6.114.802
49	Gioăng 126-2702	Cái	10	463.572	4.635.723	8	363.586
50	Gioăng máy nén khí 129-3948	Cái	5	696.943	3.484.714	8	273.311
51	Vòng bi hộp số 129-8391 616-8181	Bộ	1	64.591.500	64.591.500	8	5.066.000
52	Gioăng cổ xả 129-9452	Cái	10	239.438	2.394.378	8	187.794
53	Phin lọc dầu phanh 130-3212	Cái	20	2.284.325	45.686.494	8	3.583.254
54	Bạc bánh răng trước 131-7123	Cái	3	1.773.146	5.319.438	8	417.211
55	Gioăng 133-1705	Cái	5	572.837	2.864.187	8	224.642
56	Phin lọc tách nước nhiên liệu 133-5673 513-4490	Cái	15	1.526.002	22.890.027	8	1.795.296
57	Bộ gioăng phốt bơm ép 138-6256	Bộ	2	6.744.267	13.488.533	8	1.057.924
58	Bộ gioăng van rơ le phanh 142-3439	Cái	5	4.213.599	21.067.996	8	1.652.392
59	Phốt đầu trục cơ 142-5867	Cái	1	4.580.092	4.580.092	8	359.223
60	Phốt sau trục cơ 142-5868	Cái	1	4.580.092	4.580.092	8	359.223
61	Gioăng xi lanh 142-7072	Cái	12	317.019	3.804.229	8	298.371
62	Phin lọc dầu lái 144-0832	Cái	10	2.232.065	22.320.653	8	1.750.639
63	Mô tơ gạt mưa 147-7975	Cái	2	10.668.898	21.337.797	8	1.673.553
64	Gioăng tròn 152-2938 152-2938 228-7091	Cái	10	225.158	2.251.579	8	176.594
65	Bánh răng lai bơm ép 155-6637	Cái	2	8.568.024	17.136.047	8	1.344.004
66	Van chia hơi phanh 159-5149	Cái	2	8.075.063	16.150.126	8	1.266.677
67	Đệm bằng sau 161-7293	Cái	2	5.276.984	10.553.967	8	827.762
68	Cảm biến áp suất vào tăng áp 161-9926	Cái	2	10.053.669	20.107.337	8	1.577.046
69	Bạc bộ lai bơm ép 162-0150	Cái	2	773.301	1.546.602	8	121.302
70	Bạc bộ lai bơm ép 162-0151	Cái	2	895.585	1.791.171	8	140.484
71	Bạc bộ lai bơm ép 162-0152	Cái	2	3.095.976	6.191.952	8	485.643
72	Đệm bằng trước 166-9145	Cái	2	1.311.349	2.622.698	8	205.702
73	Cảm biến áp lực tác động phun 167-1709	Cái	2	10.053.669	20.107.337	8	1.577.046
74	Giảm chấn động cơ 167-8130	Cái	1	62.738.055	62.738.055	8	4.920.632
75	Cảm biến báo dòng nước 171-8708	Cái	2	8.439.317	16.878.634	8	1.323.814
76	Van phanh trước 172-6232	Cái	1	28.489.477	28.489.477	8	2.234.469
77	Bi chữ thập các đăng 173-0888	Cái	5	5.041.860	25.209.300	8	1.977.200
78	Mô tơ quạt điều hòa 174-1489 453-2441	Cái	2	13.671.423	27.342.847	8	2.144.537
79	Gioăng ống hút 176-0267	Cái	5	1.727.691	8.638.457	8	677.526
80	Ca trong vòng bi bị động 177-7886	Cái	3	3.842.845	11.528.535	8	904.199
81	Dây điện kim phun 179-7087	Cái	12	3.137.836	37.654.034	8	2.953.258
82	Gioăng bộ lai bơm ép 180-6646	Cái	5	241.502	1.207.508	8	94.707
83	Vòng bi đầu trục+ cuối trục 185-2655	Cái	3	8.046.581	24.139.742	8	1.893.313
84	Bộ gioăng phốt biển mô 188-2888	Bộ	1	21.111.960	21.111.960	8	1.655.840

85	Phin lọc tách nước khí nén 190-0760	Cái	5	11.321.085	56.605.426	8	4.439.641
86	Vành răng truyền lực biển mô 192-0876	Cái	1	37.164.723	37.164.723	8	2.914.880
87	Piston động cơ 192-2209	Cái	3	16.240.583	48.721.749	8	3.821.314
88	Xéc măng khí 192-8807	Cái	12	1.905.334	22.864.006	8	1.793.255
89	Gioăng bằng trước 193-9155	Cái	3	488.566	1.465.699	8	114.957
90	Cảm biến áp suất nhiên liệu 194-6725	Cái	2	10.053.669	20.107.337	8	1.577.046
91	Xi lanh 197-9322	Cái	3	9.316.470	27.949.409	8	2.192.111
92	Gioăng 198-6068	Cái	12	445.216	5.342.595	8	419.027
93	Vòng bi trục bánh răng tốc độ 1B-3867	Vòng	5	1.090.369	5.451.847	8	427.596
94	Phin lọc hộp số biển mô 1G-8878	Cái	24	2.205.514	52.932.339	8	4.151.556
95	Gioăng giảm sóc 1H-8278	Cái	20	175.440	3.508.800	8	275.200
96	Bạc bơm biển mô 1M-3909 587-2890	Cái	5	771.926	3.859.630	8	302.716
97	Xéc măng 1M-4169	Cái	5	744.384	3.721.919	8	291.915
98	Gioăng 1P-3705	Cái	10	138.844	1.388.438	8	108.897
99	Gioăng áp lực cao 1P-3707	Cái	20	161.858	3.237.157	8	253.895
100	Gioăng 1P-3709	Cái	10	185.318	1.853.179	8	145.347
101	Ca trong vòng bi chủ động 1P-3935	Cái	2	6.059.674	12.119.349	8	950.537
102	Ca bi 1P-6872	Cái	3	889.542	2.668.627	8	209.304
103	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0749	Cái	20	754.727	15.094.541	8	1.183.886
104	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0762	Cái	30	987.992	29.639.770	8	2.324.688
105	Phin lọc dầu động cơ 1R-1808	Cái	120	1.305.306	156.636.749	8	12.285.235
106	Gioăng phốt 1S-6478	Cái	2	1.744.586	3.489.172	8	273.661
107	Xéc măng 1S-9496	Cái	2	1.424.443	2.848.886	8	223.442
108	Xéc măng 1S-9497	Cái	2	1.174.234	2.348.467	8	184.194
109	Gioăng piston côn 1S-9498	Cái	2	1.293.190	2.586.379	8	202.853
110	Gioăng xích 1T-0132	Cái	5	312.938	1.564.692	8	122.721
111	Gioăng cao su 1T-0136	Cái	5	241.985	1.209.925	8	94.896
112	Cần 1T-1011	Cái	5	81.153	405.763	8	31.825
113	Cần 1T-1012	Cái	5	69.934	349.671	8	27.425
114	Bạc 1T-1353	Cái	3	1.489.848	4.469.545	8	350.553
115	Đế xu páp xả 1W-5283	Cái	12	1.043.126	12.517.508	8	981.765
116	Van phanh chân 204-4270	Cái	2	13.573.947	27.147.895	8	2.129.247
117	Gioăng piston chia dầu phanh sau 205-0567	Bộ	2	2.997.935	5.995.869	8	470.264
118	Giảm sóc ghế lái 212-7779	Cái	3	11.736.991	35.210.972	8	2.761.645
119	Xéc măng dầu 213-7454	Cái	12	1.905.334	22.864.006	8	1.793.255
120	Cuộn điện 218-9898	Cái	2	4.074.637	8.149.275	8	639.159
121	Van nạp khí 222-2367	Cái	3	3.180.247	9.540.741	8	748.293
122	Gioăng nắp máy 230-0940	Cái	3	1.674.080	5.022.240	8	393.901
123	Công tắc nâng hạ ben 231-3869	Cái	2	18.635.463	37.270.926	8	2.923.210
124	Kim phun điện tử 232-1171	Cái	12	37.165.740	445.988.880	8	34.979.520
125	Gioăng 234-8937	Cái	5	530.444	2.652.220	8	208.017
126	Phốt đầu tăng tốc 235-2484	Cái	3	3.527.422	10.582.265	8	829.982
127	Gioăng cảm biến 238-5080	Cái	5	229.239	1.146.194	8	89.898
128	Gioăng tròn 238-5082	Cái	5	319.628	1.598.138	8	125.344
129	Van hằng nhiệt 248-5513	Cái	5	2.587.397	12.936.985	8	1.014.665
130	Cảm biến tốc độ đầu ra hộp số 258-4521	Cái	2	11.723.220	23.446.440	8	1.838.937
131	Cảm biến thời điểm nổ (129-6628) 265-9033 522-1641	Cái	2	10.777.145	21.554.289	8	1.690.532
132	Cảm biến chân ga 266-1466	Cái	2	7.563.679	15.127.358	8	1.186.459
133	Van định áp 282-1915	Cái	2	2.326.379	4.652.759	8	364.922

134	Bộ gioăng phốt hộp số 282-6655	Bộ	1	40.561.320	40.561.320	8	3.181.280	
135	Phốt 289-2937	Cái	5	1.417.753	7.088.767	8	555.982	
136	Phốt 289-2948	Cái	5	1.046.614	5.233.068	8	410.437	
137	Bộ gioăng phốt xi lanh lái 294-9583	Bộ	5	3.524.100	17.620.500	8	1.382.000	
138	Gioăng phốt giảm sóc trước 297-6847	Bộ	5	19.224.960	96.124.800	8	7.539.200	
139	Gioăng phốt giảm sóc sau 297-6848	Bộ	5	7.814.220	39.071.100	8	3.064.400	
140	Đệm bằng sau 2A-1162	Cái	10	87.842	878.418	8	68.896	
141	Gioăng bìa 2A-3398	Cái	10	184.294	1.842.937	8	144.544	
142	Gioăng tròn 2D-6392	Cái	10	36.785	367.848	8	28.851	
143	Gioăng đường ống 2D-8009	Cái	10	251.165	2.511.654	8	196.992	
144	Vòng bi 2D-9457	Vòng	2	8.088.067	16.176.135	8	1.268.716	
145	Gioăng dầu đề 2F-6678	Cái	5	338.498	1.692.490	8	132.744	
146	Măng xéc bầu phanh 2G-1203	Cái	3	5.516.932	16.550.796	8	1.298.102	
147	Gioăng 2H-3927	Cái	10	155.733	1.557.334	8	122.144	
148	Gioăng cao su 2H-3932	Cái	10	87.333	873.326	8	68.496	
149	Gioăng cụm chia dầu phanh sau 2H-4145 175-7898	Cái	5	222.605	1.113.026	8	87.296	
150	Gioăng giảm sóc 2H-5001	Cái	10	45.448	454.481	8	35.646	
151	Gioăng 2H-6338	Cái	10	206.797	2.067.971	8	162.194	
152	Gioăng tròn 2M-0340	Cái	5	299.168	1.495.839	8	117.321	
153	Gioăng 2M-1395	Cái	5	99.576	497.878	8	39.049	
154	Gioăng mặt bích 2M-3818	Cái	3	498.828	1.496.483	8	117.371	
155	Gioăng bằng sau 2M-5446	Cái	5	90.904	454.522	8	35.649	
156	Vòng bi 2M-5685	Vòng	2	873.642	1.747.284	8	137.042	
157	Gioăng 2P-4305	Cái	5	121.502	607.509	8	47.648	
158	Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 2P-8987	Vòng	3	2.380.662	7.141.985	8	560.156	
159	Vòng bi 2S-0669	Vòng	3	458.632	1.375.895	8	107.913	
160	Trục bánh răng 2S-4899	Cái	3	3.898.500	11.695.499	8	917.294	
161	gioăng 2S-6151	Cái	5	87.333	436.663	8	34.248	
162	Bìn điện (hộp số, biển mô) 302-3809	Cái	2	11.213.684	22.427.368	8	1.759.009	
163	Gioăng ca xoa bé 773E 314-4120	Bộ	5	11.357.700	56.788.500	8	4.454.000	
164	Cảm biến vòng tua động cơ 318-1181	Cái	2	6.395.625	12.791.251	8	1.003.235	
165	Dây điện hộp số 324-0843	Cái	2	3.787.645	7.575.289	8	594.140	
166	Dây điện hộp số 326-4100	Cái	2	11.730.362	23.460.725	8	1.840.057	
167	Pin điện 326-5212	Cái	3	1.471.873	4.415.620	8	346.323	
168	Măng xéc giảm sóc 327-1055 433-5903	Cái	10	2.611.200	26.112.000	8	2.048.000	
169	Phốt bơm nước 349-2654	Cái	3	3.155.135	9.465.404	8	742.385	
170	Van phanh rà 236-6570 351-0524	Cái	2	18.002.897	36.005.793	8	2.823.984	
171	Gioăng nước 359-1439	Cái	3	179.888	539.665	8	42.327	
172	Gioăng bằng trước 379-5053	Cái	2	638.752	1.277.504	8	100.196	
173	Ca vòng bi nhỏ quả dứa 3D-1100	Cái	2	4.813.978	9.627.956	8	755.134	
174	Gioăng bơm 3D-4245	Cái	5	70.444	352.219	8	27.625	
175	Gioăng vòi phun 3E-6747 250-0466	Cái	24	366.040	8.784.969	8	689.017	
176	Gioăng tròn 3E-6769	Cái	3	214.959	644.877	8	50.579	
177	Gioăng giữa bơm phanh va bơm lái 3E-6799	Cái	3	706.582	2.119.745	8	166.254	
178	Bi bu ly cánh quạt 3L-1425	Cái	3	1.852.449	5.557.348	8	435.870	
179	Gioăng 3P-0647 228-4947	Cái	3	232.295	696.885	8	54.658	
180	Gioăng tròn 3P-1155	Cái	3	355.331	1.065.992	8	83.607	
181	Xéc măng 3S-0142	Cái	3	1.566.411	4.699.232	8	368.567	

182	Xéc măng 3S-1278	Cái	3	1.542.888	4.628.665	8	363.033
183	Xéc măng 3S-1282	Cái	3	1.353.433	4.060.300	8	318.455
184	Xéc măng 3S-1283	Cái	3	1.212.037	3.636.111	8	285.185
185	Bạc trục 3S-1292	Cái	3	1.712.101	5.136.304	8	402.847
186	Gioăng 3S-9643	Cái	3	677.003	2.031.009	8	159.295
187	Chổi than 3T-9524	Cái	6	593.297	3.559.785	8	279.199
188	Gioăng đầu, đuôi hộp số 4D-0449	Cái	3	520.754	1.562.262	8	122.530
189	Gioăng 4F-7390	Cái	3	196.536	589.608	8	46.244
190	Gioăng tròn 4J-0519	Cái	3	92.941	278.824	8	21.869
191	Gioăng tròn 4J-0524	Cái	3	128.645	385.934	8	30.269
192	Gioăng tròn 4J-0525	Cái	3	134.254	402.761	8	31.589
193	Gioăng tròn 4J-0527	Cái	3	149.105	447.315	8	35.083
194	Gioăng tròn 4J-2506	Cái	3	44.939	134.817	8	10.574
195	Gioăng giảm sóc 4J-6557	Cái	3	145.860	437.580	8	34.320
196	Gioăng cổ đồ dầu biến mô 4M-0189	Cái	3	228.729	686.188	8	53.819
197	Lò xo 4M-9592	Cái	3	286.931	860.793	8	67.513
198	Gioăng xích giảm tốc cạnh 4S-5924	Cái	5	442.154	2.210.771	8	173.394
199	Phin lọc dầu lái 4T-6788	Cái	20	824.007	16.480.147	8	1.292.561
200	Gioăng 5D-7523	Cái	5	762.745	3.813.723	8	299.116
201	Gioăng bơm 5F-3999	Cái	5	239.947	1.199.736	8	94.097
202	Gioăng tròn 5H-6005	Cái	5	51.065	255.324	8	20.025
203	Gioăng cổ hút 5H-7704	Cái	5	544.215	2.721.073	8	213.417
204	Gioăng giảm sóc 5J-1731	Cái	10	347.820	3.478.200	8	272.800
205	Gioăng giảm sóc 5J-6444	Cái	10	141.780	1.417.800	8	111.200
206	Gioăng tròn 5K-9090	Cái	10	63.811	638.108	8	50.048
207	Vòng bi 5M-0578	Vòng	2	683.251	1.366.503	8	107.177
208	Vòng bi 5M-2051	Vòng	2	776.882	1.553.764	8	121.864
209	Vòng bi 5M-5018	Vòng	2	572.857	1.145.714	8	89.860
210	Vòng bi 5M-6126	Vòng	2	634.214	1.268.428	8	99.485
211	Gioăng máy nén khí 5M-6509	Cái	5	131.701	658.506	8	51.648
212	Bạc đỡ đầu trục 5M-8651	Cái	3	827.225	2.481.676	8	194.641
213	Dây đai cánh quạt (1bộ = 3 cái) 5N-4751	Bộ	2	6.047.499	12.094.999	8	948.627
214	Gioăng tròn 5P-3108	Cái	5	62.792	313.959	8	24.624
215	Gioăng moay 5P-4076	Cái	5	645.318	3.226.590	8	253.066
216	Gioăng 5P-5010	Cái	5	3.516.198	17.580.990	8	1.378.901
217	Gioăng 5P-7815	Cái	5	414.042	2.070.209	8	162.369
218	Gioăng 5P-8356	Cái	5	275.198	1.375.989	8	107.921
219	Gioăng 5P-8429	Cái	5	1.597.519	7.987.593	8	626.478
220	Gioăng 5P-8940	Cái	5	1.212.546	6.062.732	8	475.508
221	Gioăng hộp số 5P-9186	Cái	5	261.427	1.307.135	8	102.520
222	Gioăng tăng áp 5P-9890 112-3540	Cái	5	466.696	2.333.481	8	183.018
223	Vòng bi 5S-4442	Vòng	3	1.418.280	4.254.840	8	333.713
224	Gioăng 6D-1355	Cái	5	615.739	3.078.696	8	241.466
225	Van định áp 6D-3781	Cái	3	3.882.238	11.646.715	8	913.468
226	Xéc măng hộp số 6F-0155	Cái	5	432.403	2.162.013	8	169.570
227	Gioăng cao su 6F-6672	Cái	5	59.220	296.102	8	23.224
228	Gioăng moay 6F-8146	Cái	5	217.506	1.087.528	8	85.296
229	Cần quả dũa vi sai 6G-1881	Cái	10	335.951	3.359.511	8	263.491
230	Cần quả dũa vi sai 6G-1893	Cái	10	255.246	2.552.461	8	200.193
231	Cần 6G-4363	Cái	5	2.944.890	14.724.449	8	1.154.859
232	Xéc măng hộp số 6H-7201	Cái	5	348.188	1.740.939	8	136.544
233	Phin lọc gió thô động cơ 6I-2505	Cái	20	2.901.898	58.037.959	8	4.551.997
234	Phin lọc gió tinh động cơ 6I-2506	Cái	20	2.573.923	51.478.456	8	4.037.526

235	Gioăng tròn 6J-2680	Cái	5	171.548	857.738	8	67.274	
236	Gioăng máy nén khí 6L-1883 597-1291	Cái	5	101.103	505.517	8	39.648	
237	Gioăng 6L-9405	Cái	5	357.368	1.786.842	8	140.144	
238	Gioăng mặt bích 6M-5218	Cái	5	595.788	2.978.942	8	233.643	
239	Gioăng máy nén khí 6N-0634	Cái	5	280.807	1.404.034	8	110.120	
240	Gioăng mặt máy nén khí 6N-2098	Cái	5	229.106	1.145.532	8	89.846	
241	Trục BR hành tinh 6P-9269	Cái	3	4.777.199	14.331.597	8	1.124.047	
242	Xéc măng 6T-5611	Cái	3	529.425	1.588.275	8	124.571	
243	Bi đỡ bánh răng trung gian buồng sau 6V-7725	Vòng	1	12.928.628	12.928.628	8	1.014.010	
244	Gioăng bơm 6V-8260	Cái	3	1.046.614	3.139.841	8	246.262	
245	Gioăng 6V-8397	Cái	5	51.574	257.870	8	20.225	
246	Gioăng đầu ống nhiên liệu 6V-8398	Cái	5	52.593	262.963	8	20.625	
247	Gioăng tròn 6V-8676	Cái	5	456.434	2.282.171	8	178.994	
248	Gioăng tròn 6V-9746	Cái	5	57.692	288.461	8	22.624	
249	Vòng bi giảm tốc cạnh 6Y-4119	Vòng	4	4.739.459	18.957.835	8	1.486.889	
250	Xéc măng 6Y-5888	Cái	3	3.640.191	10.920.572	8	856.515	
251	Gioăng đường khí 7C-0307	Cái	5	71.463	357.314	8	28.025	
252	Xéc măng bơm dầu 7C-1511	Cái	3	1.103.796	3.311.389	8	259.717	
253	Gioăng bầu phanh 7D-7519	Cái	5	501.884	2.509.419	8	196.817	
254	Gioăng tròn 7D-8048	Cái	5	106.203	531.015	8	41.648	
255	Gioăng 7F-0938	Cái	5	69.934	349.671	8	27.425	
256	Gioăng cụm chia dầu phanh sau 773E 7F-2122	Cái	5	228.729	1.143.647	8	89.698	
257	Gioăng đường dầu vào cụm chia dầu 7J-9108	Cái	5	55.655	278.274	8	21.825	
258	Gioăng đệm 7L-2894	Cái	5	171.548	857.738	8	67.274	
259	Lò xo 7M-5813	Cái	3	448.782	1.346.346	8	105.596	
260	Van bình khí nén 7X-7655	Cái	2	1.383.583	2.767.167	8	217.033	
261	Gioăng giảm sóc 7Y-4294	Cái	5	296.683	1.483.415	8	116.346	
262	Gioăng đường khí 8C-3089	Cái	5	682.102	3.410.512	8	267.491	
263	Gioăng 8C-3093	Cái	5	235.357	1.176.785	8	92.297	
264	Phin lọc gió ngoài ca bin 8C-9657	Cái	5	1.411.469	7.057.345	8	553.517	
265	Căn 8E-8299	Cái	5	264.999	1.324.993	8	103.921	
266	Căn 8E-8311	Cái	5	424.241	2.121.205	8	166.369	
267	Bi bu ly cánh quạt 8H-9789	Cái	3	1.340.928	4.022.785	8	315.513	
268	Gioăng 8L-2746	Cái	5	208.325	1.041.625	8	81.696	
269	Gioăng bộ khóa biển mô 8L-2777	Cái	5	200.107	1.000.536	8	78.473	
270	Gioăng 8L-2779 464-0509	Cái	5	177.156	885.782	8	69.473	
271	Gioăng moay 8L-9241	Cái	5	250.920	1.254.600	8	98.400	
272	Gioăng tròn 8M-1112	Cái	5	147.577	737.885	8	57.873	
273	Gioăng cao su bích van nạp khí 8M-4435	Cái	5	131.701	658.506	8	51.648	
274	Gioăng đường khí 8M-7065	Cái	5	64.320	321.601	8	25.224	
275	Gioăng máy nén khí 8N-3665	Cái	3	808.766	2.426.297	8	190.298	
276	Phin lọc đường hút hộp số 8P-3795	Cái	5	1.426.432	7.132.162	10	699.232	
277	Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 8S-9152	Vòng	3	2.853.991	8.561.974	8	671.527	
278	Bạc phíp 8T-1127	Cái	3	2.208.300	6.624.900	8	519.600	
279	Gioăng cao su 8T-2885	Cái	5	173.076	865.378	8	67.873	
280	Bạc phíp 8T-7692	Cái	3	10.286.700	30.860.100	8	2.420.400	
281	Xéc măng giảm sóc 8T-7694	Cái	3	3.347.640	10.042.920	8	787.680	
282	Bạc phíp 8T-7695	Cái	3	5.158.140	15.474.420	8	1.213.680	
283	Xéc măng phanh 9D-7986	Cái	10	2.884.079	28.840.795	8	2.262.023	

284	Xéc măng phanh 9D-7987	Cái	10	2.596.701	25.967.010	8	2.036.628	
285	Xéc măng phanh 9D-7988	Cái	10	3.430.908	34.309.085	8	2.690.909	
286	Gioăng 9F-4446	Cái	10	237.395	2.373.947	8	186.192	
287	Gioăng hộp số 9H-3360	Cái	5	686.183	3.430.916	8	269.091	
288	Dây đai điều hòa 9L-1130	Cái	5	1.841.547	9.207.734	8	722.175	
289	Dây đai máy phát 9L-6639	Cái	5	1.673.571	8.367.853	8	656.302	
290	Gioăng 9L-6924	Cái	5	104.675	523.375	8	41.049	
291	Van máy nén khí 9M-0381	Cái	5	493.157	2.465.783	8	193.395	
292	Bộ gioăng phốt van xả hơi 9M-0402 629-3045	Bộ	10	1.064.521	10.645.210	8	834.918	
293	Vòng bi 9M-1997	Vòng	5	2.130.681	10.653.406	8	835.561	
294	Chốt bi hộp số 9M-2001	Cái	5	139.353	696.766	8	54.648	
295	Vòng bi 9M-2744	Vòng	1	16.328.302	16.328.302	8	1.280.651	
296	Gioăng hộp số 9M-4218	Cái	5	447.763	2.238.815	8	175.593	
297	Cần 9M-5874	Cái	5	1.110.424	5.552.121	8	435.460	
298	Gioăng moay ơ 9M-5892	Cái	5	658.070	3.290.349	8	258.067	
299	Lò xo tách côn 9M-6193	Cái	135	143.434	19.363.579	8	1.518.712	
300	Gioăng hộp số 9M-7002	Cái	10	285.397	2.853.970	8	223.841	
301	Lá đồng bộ côn số 3,4 9W-4662	Cái	5	4.814.487	24.072.436	8	1.888.034	
302	Lá ma sát bầu phanh 9W-7017	Cái	5	4.651.200	23.256.000	8	1.824.000	
303	Bánh răng tốc độ hộp số 9W-7334	Cái	2	8.561.456	17.122.911	8	1.342.973	
304	Gioăng bầu phanh 9X-7307	Cái	5	2.311.242	11.556.210	8	906.369	
305	Gioăng tròn 9X-7371	Cái	5	1.054.260	5.271.300	8	413.435	
306	Gioăng 9X-7378	Cái	5	82.172	410.858	8	32.224	
307	Gioăng 9X-7408	Cái	5	83.191	415.954	8	32.624	
308	Gioăng tròn 9X-7680 228-7088	Cái	5	185.827	929.137	8	72.873	
309	Gioăng vòi phun 9X-7681	Cái	5	212.977	1.064.885	8	83.520	
310	Gioăng 9X-7734	Cái	5	261.427	1.307.135	8	102.520	
311	Gioăng bằng sau 9Y-6089	Cái	5	227.705	1.138.524	8	89.296	
312	Ca xéc măng bộ côn số 2 6P-7706	Cái	1	11.783.158	11.783.158	8	924.169	
313	Bộ kit xi lanh phanh 318-8229	Cái	3	6.941.100	20.823.300	8	1.633.200	
314	Gioăng tròn 4J-0528	Cái	5	154.205	771.027	8	60.473	
315	Gioăng tròn 4K-2039	Cái	5	46.983	234.915	8	18.425	
316	Gioăng bầu phanh 123-2941	Cái	5	713.209	3.566.047	8	279.690	
317	Gioăng phốt tổng phanh trước 5T-4748	Bộ	2	6.888.060	13.776.120	8	1.080.480	
318	Bộ gioăng phốt bơm ben phanh 232-0242	Bộ	1	9.846.871	9.846.871	8	772.304	
319	Gioăng tròn 112-3102	Cái	3	243.009	729.028	8	57.179	
320	Gioăng 180-8424	Cái	5	48.511	242.554	8	19.024	
321	Gioăng 214-1727	Cái	5	892.909	4.464.543	8	350.160	
322	Gioăng tròn 224-6079	Cái	6	423.222	2.539.333	8	199.163	
323	Gioăng tròn 238-6646	Cái	5	1.292.171	6.460.854	8	506.734	
324	Giăng các te 353-1648	Cái	5	1.108.560	5.542.802	8	434.730	
325	Gioăng tròn 502-4034	Cái	3	1.154.345	3.463.034	8	271.611	
326	Gioăng bơm ép 6V-5050	Cái	5	304.267	1.521.337	8	119.321	
327	Gioăng tròn 6V-5064	Cái	5	83.191	415.954	8	32.624	
328	Gioăng tròn cao su thuộc bộ làm mát dầu động cơ 6V-9027	Cái	5	42.966	214.829	8	16.849	
329	Gioăng 6V-9028	Cái	5	48.001	240.007	8	18.824	
330	Gioăng tròn 8T-1703	Cái	10	143.434	1.434.339	8	112.497	
331	Gioăng 8T-3298	Cái	5	158.286	791.432	8	62.073	
332	Cảm biến nhiệt độ dầu máy 106-0735	Cái	3	7.948.204	23.844.611	8	1.870.166	
333	Van phanh 2G-3594	Cái	2	5.317.313	10.634.626	8	834.088	
334	Kít nén khí 6I-1220	Bộ	3	1.436.176	4.308.528	8	337.924	

335	Van sấy khí 470-0213	Cái	2	8.771.188	17.542.375	8	1.375.873	
336	Gioăng 151-7109	Cái	2	1.207.447	2.414.893	8	189.403	
337	Bộ seals kit van phanh trước 197-7484	Bộ	5	4.876.769	24.383.843	8	1.912.458	
338	Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0660	Cái	2	541.620	1.083.240	8	84.960	
339	Cảm biến vị trí số 338-1462	Cái	3	31.396.569	94.189.708	8	7.387.428	
340	Gioăng tròn 4J-0523	Cái	1	120.992	120.992	8	9.490	
341	Cảm biến chân phanh 266-1467	Cái	5	7.563.679	37.818.395	8	2.966.149	
342	Gioăng van phanh đỗ 3T-5224	Cái	3	361.450	1.084.350	8	85.047	
343	Bạc trục chính hộp số 486-9752	Cái	2	1.353.433	2.706.867	8	212.303	
344	Gioăng 104-6730	Cái	5	85.359	426.796	8	33.474	
345	Gioăng van điện 117-2983	Cái	5	81.153	405.763	8	31.825	
346	Gioăng 4N-1419	Cái	5	145.533	727.666	8	57.072	
347	Gioăng 6N-0992	Cái	5	275.198	1.375.989	8	107.921	
348	Gioăng đệm 9L-1633	Cái	5	109.265	546.326	8	42.849	
349	Phốt 8S-5575	Cái	5	261.427	1.307.135	8	102.520	
350	Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0736	Cái	2	685.440	1.370.880	8	107.520	
351	Phốt van lái 6V-1604	Cái	4	786.777	3.147.109	8	246.832	
352	Phin lọc gió 211-2660	Cái	4	1.135.525	4.542.098	8	356.243	
353	Phin lọc thông hơi thùng dầu thủy lực 245-7451	Cái	5	991.031	4.955.153	10	485.799	
354	Phin lọc thông hơi xi lanh phanh 8J-5604	Cái	5	441.383	2.206.916	10	216.364	
355	Van phanh đỗ 128-4971	Cái	5	6.433.937	32.169.685	8	2.523.113	
356	Gioăng chân kết nước 511-3119	Cái	2	2.042.164	4.084.327	8	320.339	
357	Công tắc phanh rà 284-3622	Cái	3	1.533.646	4.600.939	8	360.858	
358	Bơm nước động cơ 352-2077	Cái	1	58.517.823	58.517.823	8	4.589.633	
359	Lọc van đi số 6T-7640	Cái	1	606.119	606.119	8	47.539	
360	Gioăng đệm 117-5268	Cái	5	241.985	1.209.925	8	94.896	
361	Phốt 135-5935	Cái	5	1.000.140	5.000.702	8	392.212	
362	Công tắc vị trí ben 228-4808	Cái	3	8.435.752	25.307.255	8	1.984.883	
363	Vòng bi 6V-3916	Cái	2	1.161.245	2.322.490	8	182.156	
364	Bơm nước động cơ 352-0200	Cái	1	76.611.618	76.611.618	8	6.008.754	
365	Van phanh 213-1081	Cái	1	7.489.223	7.489.223	8	587.390	
366	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0755	Cái	30	1.870.434	56.113.014	8	4.401.021	
367	Phin lọc tách nước 326-1643	Cái	30	1.537.266	46.117.977	8	3.617.096	
368	Mỡ chịu nhiệt (16Kg/xô) 4526009	Kg	208	323.340	67.254.720	8	5.274.880	
369	Phin lọc khí nạp thô 6I-2501	Cái	4	2.170.314	8.681.256	8	680.883	
370	Phin lọc khí nạp tinh 6I-2502	Cái	4	1.622.580	6.490.320	8	509.045	
371	Phin lọc gió trong điều hòa 6T-5068	Cái	4	938.581	3.754.324	8	294.457	
372	Phin lọc gió ngoài điều hòa 6T-0988	Cái	4	1.505.013	6.020.053	8	472.161	
373	Phin lọc dầu thủy lực số 328-3655 624-1845	Cái	4	2.936.305	11.745.221	8	921.194	
374	Phin lọc thô tách nước nhiên liệu 326-1644	Cái	10	1.254.544	12.545.442	8	983.956	
375	Bạc càng a cầu sau 243-3071	Cái	4	8.558.272	34.233.088	8	2.684.948	
376	Vòng ren khóa bi chao 288-2747	Cái	4	5.398.038	21.592.151	8	1.693.502	
377	Bu lông khóa càng a cầu sau 8T-0283	Cái	5	819.927	4.099.637	8	321.540	
378	Vòng đệm 198-4772	Cái	12	844.469	10.133.623	8	794.794	
379	Ca trong vòng bi nhỏ moay ơ 6V-0663	Cái	4	8.661.419	34.645.675	8	2.717.308	
380	Ca ngoài bi nhỏ moay ơ 6V-0662	Cái	4	2.957.580	11.830.319	8	927.868	

381	Ca trong vòng bi to moay 6V-0664	Cái	1	17.763.458	17.763.458	8	1.393.212	
382	Ca ngoài vòng bi to moay 5F-2465	Cái	1	6.521.208	6.521.208	8	511.467	
383	Vòng bi truyền động cuối 4B-3693	Cái	1	4.107.906	4.107.906	8	322.189	
384	Gioăng ca xoa 6Y-0859	Cái	3	10.916.498	32.749.494	8	2.568.588	
385	Phốt trục láp 419-4175	Cái	4	949.426	3.797.705	8	297.859	
386	Gioăng 8J-1665	Cái	2	321.162	642.324	8	50.378	
387	Gioăng 9H-0846	Cái	5	644.809	3.224.043	8	252.866	
388	Gioăng giảm tốc 090-3093	Cái	5	258.818	1.294.092	8	101.497	
389	Cần bánh răng giảm tốc cạnh 7T-2530	Cái	5	4.167.069	20.835.344	8	1.634.145	
390	Cần bánh răng giảm tốc cạnh 9W-3232	Cái	3	1.103.796	3.311.389	8	259.717	
391	Bi bánh răng giảm tốc cạnh 6V-0661	Cái	3	3.989.404	11.968.212	8	938.683	
392	Ca bi 2P-1370	Cái	3	2.064.152	6.192.456	8	485.683	
393	Điều tốc máy nén khí 4N-9680 628-1010	Cái	3	1.864.498	5.593.493	8	438.705	
394	Bu lông các đăng 9V-3811	Cái	2	585.589	1.171.178	8	91.857	
395	Nước làm mát động cơ CAT-ELI 210 lít/phuy 469-2725	Phuy	10	14.764.359	147.643.588	8	11.579.889	
396	Móng hãm 2A-4429	Cái	240	44.491	10.677.789	8	837.474	
397	Bạc trục cơ cot 0 317-8766	Cái	12	3.047.404	36.568.842	8	2.868.144	
398	Bạc biên cot 0 328-5574	Cặp	12	1.809.354	21.712.242	8	1.702.921	
399	Xéc măng lửa 134-3761	Cái	12	1.905.334	22.864.006	8	1.793.255	
400	Bu lông chân máy sau 2A-1538	Cái	12	173.585	2.083.021	8	163.374	
401	Long đen chân máy sau 5P-8248	Cái	30	60.754	1.822.625	8	142.951	
402	Van định áp đường dầu chính 9M-0853	Cái	2	1.177.296	2.354.591	8	184.674	
403	Khớp nối bơm chuyển nhiên liệu 117-1620	Cái	2	3.490.647	6.981.294	10	684.441	
404	Ổng dầu nhiên liệu 125-6795	Cái	2	1.378.470	2.756.939	8	216.231	
405	Ổng dầu nhiên liệu 125-6796	Cái	1	1.342.987	1.342.987	8	105.332	
406	Ổng dầu nhiên liệu 125-6798	Cái	1	1.178.951	1.178.951	8	92.467	
407	Trục bơm nước 135-4928	Cái	1	4.687.315	4.687.315	8	367.633	
408	Bi bơm nước 108-7930	Cái	1	4.469.360	4.469.360	8	350.538	
409	Ổng nước hồi từ block về sinh hàn 141-4094	Cái	1	2.375.859	2.375.859	8	186.342	
410	Ê cu cổ xà 2N-2766	Cái	10	280.807	2.808.068	8	220.241	
411	Long đen 5M-2894	Cái	10	17.340	173.400	8	13.600	
412	Bu lông tăng áp 2N-2765	Cái	10	497.294	4.972.936	8	390.034	
413	Vòng bi bu ly quạt gió 333-2408	Cái	3	3.875.952	11.627.855	8	911.989	
414	Bạc cao su tăng đai 2M-2742	Cái	5	564.675	2.823.373	8	221.441	
415	Lò xo tăng đai 462-0437	Cái	5	3.941.463	19.707.317	8	1.545.672	
416	Phanh hãm trục chính 8H-3981	Cái	3	83.191	249.572	8	19.574	
417	Đĩa ma sát rọ số 1 3S-7981	Cái	5	2.605.080	13.025.400	8	1.021.600	
418	Phanh vành răng ăn khớp 8S-9182	Cái	5	254.227	1.271.136	8	99.697	
419	Pít tong rọ số 5 7S-4543	Cái	1	32.778.619	32.778.619	8	2.570.872	
420	Chốt dẫn hướng 9M-1990	Cái	5	1.614.351	8.071.757	8	633.079	
421	Lò xo 4M-5016	Cái	3	417.613	1.252.839	8	98.262	
422	Bu lông 2B-0947	Cái	1	80.643	80.643	8	6.325	
423	Khớp nối giữ mặt xích các đăng 6Y-9220	Cái	1	5.168.228	5.168.228	8	405.351	
424	Chốt trục 2K-3455	Cái	20	79.624	1.592.477	8	124.900	
425	Long đen 4D-3704	Cái	10	56.673	566.735	8	44.450	
426	Sim cần bi 3P-8147	Cái	1	12.020.798	12.020.798	8	942.808	
427	Gioăng 8H-7521	Cái	5	219.549	1.097.745	8	86.098	

428	Van điều khiển 9W-6964	Cái	5	1.073.640	5.368.199	8	421.035
429	Van điều khiển số 6T-3115	Cái	2	10.825.084	21.650.168	8	1.698.052
430	Chốt dẫn hướng 421-3135	Cái	5	101.613	508.064	8	39.848
431	Gioăng 3J-1907	Cái	4	51.065	204.259	8	16.020
432	Bạc puly tăng chỉnh dây cu roa quạt gió động cơ 4S-5367	Cái	2	2.597.720	5.195.439	8	407.485
433	Phốt chắn dầu bơm nước 153-1256	Cái	5	623.391	3.116.957	8	244.467
434	Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7796	Cái	1	13.202.783	13.202.783	8	1.035.512
435	Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7795 581-2705	Cái	1	8.120.099	8.120.099	8	636.870
436	Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8666	Cái	2	8.628.269	17.256.537	8	1.353.454
437	Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8664	Cái	2	8.743.652	17.487.304	8	1.371.553
438	Bạc trục giữa thanh cân bằng 130-3139	Cái	2	3.838.475	7.676.950	8	602.114
439	Bí chao đầu thanh cân bằng 7J-3216	Quả	3	10.002.610	30.007.829	8	2.353.555
440	Phốt chắn mỡ bí chao trục giữa trục cân bằng 9X-7505	Cái	3	8.400.049	25.200.146	8	1.976.482
441	Phanh hãm bí chao trục cân bằng 5L-4751	Cái	4	983.823	3.935.291	8	308.650
442	Trục thanh cân bằng 7T-6427	Cái	1	13.796.496	13.796.496	8	1.082.078
443	Trục trung tâm thanh cân bằng 208-5026	Cái	1	18.820.843	18.820.843	8	1.476.145
444	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (trơn) 197-9641	Cái	1	3.594.804	3.594.804	8	281.945
445	Bu ly tăng chỉnh dây cu roa 190-0643	Cụm	2	12.391.489	24.782.978	8	1.943.763
446	Bí trục trung gian 7P-4190	Vòng	2	528.406	1.056.813	8	82.887
447	Ca bi 4W-1203	Cái	2	962.981	1.925.961	8	151.056
448	Bí 4W-1204	Vòng	2	1.120.114	2.240.228	8	175.704
449	Phốt 6V-9748	Cái	2	402.314	804.629	8	63.108
450	Bơm nước 350-2536	Cái	1	32.425.779	32.425.779	8	2.543.198
451	Dây điện kim phun 215-3249 546-2154	Bộ	6	6.052.650	36.315.903	8	2.848.306
452	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 197-9642	Cái	3	6.869.912	20.609.736	8	1.616.450
453	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 227-8313	Cái	2	8.390.805	16.781.611	8	1.316.205
454	Phốt 5S-2106	Cái	2	481.424	962.848	8	75.517
455	Phốt chắn dầu giảm tốc cạnh 7X-4777	Cái	2	1.976.310	3.952.620	8	310.009
456	Phốt piston tăng xích 6V-8142 167-2323	Cái	4	1.533.137	6.132.547	8	480.984
457	Kim phun động cơ 387-9434	Cái	6	40.767.688	244.606.128	8	19.184.794
458	Cảm biến nhiệt độ nước làm mát 256-6453	Cái	2	2.328.132	4.656.264	8	365.197
459	Bánh răng giảm tốc cạnh Z18 7G-5783	Cái	1	16.667.824	16.667.824	8	1.307.280
460	Phanh van định áp van số 1H-4142	Cái	6	18.870	113.220	8	8.880
461	Gioăng bích lai 6V-3822	Cái	2	28.050	56.100	8	4.400
462	Ê cu bắt bu lông cổ xả 3E-8017	Cái	12	257.290	3.087.481	8	242.155
463	Bu lông bắt tăng áp 9X-8281	Cái	6	744.893	4.469.359	8	350.538
464	Lò xo piston van 7C-3954	Cái	2	1.499.477	2.998.955	8	235.212
465	Bộ dây điện động cơ 461-1973	Bộ	1	38.038.996	38.038.996	8	2.983.451
466	Mặt máy 108-1887	Cụm	1	129.451.260	129.451.260	8	10.153.040
467	Bạc banile 151-2939	Bộ	6	2.148.876	12.893.256	8	1.011.236

468	Bạc biên 213-3190	Bộ	6	1.496.415	8.978.491	8	704.195
469	Bi puly tăng đai 6B-1124	Vòng	2	892.511	1.785.021	8	140.002
470	Cần dọc trục 246-3150	Cái	2	1.710.803	3.421.605	8	268.361
471	CE xu pấp hút 241-8388	Cái	12	451.761	5.421.132	8	425.187
472	CE xu pấp xả 212-8917	Cái	12	709.354	8.512.254	8	667.628
473	Dẫn hướng xu pấp hút 259-5829	Cái	12	567.778	6.813.336	8	534.379
474	Dẫn hướng xu pấp xả 260-4856	Cái	12	629.105	7.549.265	8	592.099
475	Piston 385-1657	Cái	6	9.302.635	55.815.810	8	4.377.711
476	Váy piston 324-7380	Cái	6	2.565.036	15.390.213	8	1.207.076
477	Vòng đệm 6V-5839	Cái	12	19.890	238.680	8	18.720
478	Vòng đệm 9M-1974	Cái	6	13.770	82.620	8	6.480
479	Xéc măng dầu 347-2380	Cái	12	1.276.177	15.314.128	8	1.201.108
480	Xéc măng khí 347-2381	Cái	12	1.276.177	15.314.128	8	1.201.108
481	Xéc măng làm kín ống xả 6N-1558	Cái	4	261.936	1.047.746	8	82.176
482	Xéc măng lửa 347-2382	Cái	6	1.276.177	7.657.064	8	600.554
483	Xi lanh 469-5312	Cái	6	6.252.563	37.515.380	8	2.942.383
484	Xu pấp hút 490-1726	Cái	12	1.636.972	19.643.662	8	1.540.679
485	Xu pấp xả 490-1723	Cái	12	1.994.266	23.931.195	8	1.876.956
486	Mặt máy tái chế 10R-7279	Cái	1	124.259.135	124.259.135	8	9.745.815
487	Gioăng chân kết mát 61-2431	Cái	12	2.504.269	30.051.223	8	2.356.959
488	Cảm biến áp suất dầu 248-2169	Cái	2	8.897.795	17.795.589	8	1.395.732
489	Bơm chuyển tiếp nhiên liệu 326-1006	Cái	2	14.923.748	29.847.495	8	2.340.980
490	Bơm dầu động cơ 331-8905	Cụm	1	34.924.494	34.924.494	8	2.739.176
491	Tăng áp 252-5165	Cụm	1	128.269.728	128.269.728	8	10.060.371
492	Dây đai động cơ 118-2018	Cái	2	7.270.245	14.540.490	8	1.140.431
493	Dây đai máy lạnh; máy phát 241-4981	Cái	2	2.330.685	4.661.369	8	365.598
494	Đệm 8H-9818	Cái	1	75.261	75.261	8	5.903
495	Đệm Block đuôi trục cam 0S-0519	Cái	3	737.241	2.211.723	10	216.836
496	Đệm bơm nước 222-3901	Cái	2	342.069	684.139	8	53.658
497	Đệm cổ xả 161-3411	Cái	2	178.685	357.369	8	28.029
498	Đệm dầu kim phun 135-9819	Cái	6	854.668	5.128.006	8	402.197
499	Đệm đỡ đuôi trục cơ 9Y-0810	Cái	2	2.814.083	5.628.166	10	551.781
500	Đệm giá bắt cốc lọc dầu động cơ 209-7290	Cái	6	846.302	5.077.810	8	398.260
501	Đệm gioăng kim 149-5240	Cái	6	298.211	1.789.265	8	140.334
502	Đệm gioăng kim 293-0730	Cái	6	288.459	1.730.755	8	135.745
503	Đệm kết mát dầu động cơ 209-7293	Cái	2	1.091.165	2.182.330	8	171.163
504	Đệm kết thủy lực 2S-0795	Cái	6	279.279	1.675.672	8	131.425
505	Đệm mặt trước Block động cơ 209-0762	Cái	6	1.026.209	6.157.257	8	482.922
506	Đệm tu bơm 7C-7431	Cái	2	378.854	757.708	8	59.428
507	Đệm van hằng nhiệt 191-4457	Cái	2	168.995	337.990	8	26.509
508	Ê cu bắt gu zông cổ xả 9X-6620	Cái	2	245.556	491.113	8	38.519
509	Giăng đệm mặt máy 187-1315	Cái	6	3.351.794	20.110.766	8	1.577.315
510	Gioăng 1H-5728	Cái	12	159.814	1.917.772	8	150.413
511	Gioăng 2K-8257	Cái	12	254.737	3.056.840	8	239.752
512	Gioăng bích bộ lai bơm thủy lực 3F-5792	Cái	2	244.028	488.056	8	38.279
513	Gioăng bích bộ lai bơm thủy lực 4N-1230	Cái	2	366.040	732.081	8	57.418
514	Gioăng block giàn cò 268-3490	Cái	2	3.822.447	7.644.893	8	599.599
515	Gioăng cổ bơm dầu 227-5904	Cái	2	977.759	1.955.519	8	153.374
516	Gioăng cụm bơm nước 147-0182	Cái	2	113.855	227.711	8	17.860
517	Gioăng cụm bơm nước 384-9992	Cái	2	135.782	271.564	8	21.299

518	Gioăng cụm bơm nước 3D-2824	Cái	2	77.581	155.163	8	12.170
519	Gioăng đệm các te đáy 190-6114	Cái	2	2.373.015	4.746.030	8	372.238
520	Gioăng kim phun 109-3207	Cái	6	355.840	2.135.041	8	167.454
521	Gioăng kim phun 148-2903	Cái	6	432.403	2.594.415	8	203.484
522	Gioăng nắp máy 285-4106	Cái	2	2.577.707	5.155.414	8	404.346
523	Gioăng ống bơm dầu động cơ 5P-7530	Cái	6	316.510	1.899.058	8	148.946
524	Gioăng ống bơm dầu động cơ 5P-8068	Cái	12	639.771	7.677.250	8	602.137
525	Gioăng ống dầu 214-7568	Cái	2	195.008	390.015	8	30.589
526	Gioăng ống dầu 228-7090	Cái	2	210.369	420.737	8	32.999
527	Gioăng ống dầu cao áp 228-7096	Cái	6	437.564	2.625.384	8	205.912
528	Gioăng ống dầu tu bơm 197-8419	Cái	2	150.633	301.266	8	23.629
529	Gioăng ống hút bơm dầu động cơ 195-0452	Cái	2	65.141	130.283	8	10.218
530	Gioăng ống lót kim phun 310-7255	Cái	6	284.888	1.709.326	8	134.065
531	Gioăng ống lót kim phun 310-7257	Cái	6	442.154	2.652.925	8	208.073
532	Gioăng trên mặt block máy 4G-4972	Cái	2	224.139	448.278	8	35.159
533	Gioăng tròn 061-9455	Cái	6	554.537	3.327.223	8	260.959
534	Gioăng tròn 117-8765	Cái	6	633.081	3.798.487	8	297.921
535	Gioăng tròn 130-0229	Cái	2	1.117.052	2.234.104	8	175.224
536	Gioăng tròn 155-5161	Cái	2	3.285.940	6.571.881	8	515.442
537	Gioăng tròn 160-0526	Cái	2	268.061	536.122	8	42.049
538	Gioăng tròn 161-8068	Cái	2	1.101.244	2.202.487	8	172.744
539	Gioăng tròn 165-4854	Cái	2	397.215	794.430	8	62.308
540	Gioăng tròn 179-8128	Cái	2	272.142	544.283	8	42.689
541	Gioăng tròn 193-1736	Cái	6	760.192	4.561.152	8	357.737
542	Gioăng tròn 1N-5999	Cái	2	163.895	327.790	10	32.136
543	Gioăng tròn 1S-9799	Cái	2	201.636	403.271	8	31.629
544	Gioăng tròn 220-8678	Cái	2	22.482	44.964	8	3.527
545	Gioăng tròn 228-7092	Cái	2	241.475	482.951	8	37.879
546	Gioăng tròn 291-8148 4K-1388	Cái	2	83.191	166.382	8	13.050
547	Gioăng tròn 2D-0598	Cái	2	96.513	193.026	8	15.139
548	Gioăng tròn 2M-9780	Cái	2	62.282	124.565	8	9.770
549	Gioăng tròn 2S-2251	Cái	2	323.199	646.398	8	50.698
550	Gioăng tròn 341-0979	Cái	1	268.061	268.061	8	21.024
551	Gioăng tròn 358-7876	Cái	2	1.087.473	2.174.946	10	213.230
552	Gioăng tròn 3E-4297	Cái	1	40.348	40.348	8	3.165
553	Gioăng tròn 3J-7354	Cái	2	44.939	89.878	8	7.049
554	Gioăng tròn 3K-0360	Cái	2	56.673	113.347	8	8.890
555	Gioăng tròn 3T-5225 8D-8256	Cái	3	28.050	84.150	8	6.600
556	Gioăng tròn 4J-0520	Cái	26	96.513	2.509.343	8	196.811
557	Gioăng tròn 4J-0522	Cái	3	105.694	317.081	8	24.869
558	Gioăng tròn 4J-5351	Cái	2	59.220	118.441	8	9.289
559	Gioăng tròn 4J-5477	Cái	2	48.511	97.021	8	7.610
560	Gioăng tròn 4J-7533	Cái	14	39.839	557.748	8	43.745
561	Gioăng tròn 4J-8997	Cái	5	87.333	436.663	8	34.248
562	Gioăng tròn 4T-5072	Cái	15	250.146	3.752.197	8	294.290
563	Gioăng tròn 5H-3252	Cái	4	252.699	1.010.796	8	79.278
564	Gioăng tròn 5K-0227	Cái	12	79.624	955.486	8	74.940
565	Gioăng tròn 5M-2057	Cái	2	82.681	165.362	8	12.970
566	Gioăng tròn 6F-4718	Cái	2	264.999	529.997	8	41.568
567	Gioăng tròn 6F-6673	Cái	4	92.941	371.766	8	29.158
568	Gioăng tròn 6H-3977	Cái	7	178.685	1.250.793	8	98.101
569	Gioăng tròn 6V-3918	Cái	2	26.520	53.040	8	4.160

570	Gioăng tròn 6V-5555	Cái	3	50.039	150.116	8	11.774	
571	Gioăng tròn 6V-5556	Cái	2	70.444	140.887	8	11.050	
572	Gioăng tròn 6V-6580	Cái	2	52.593	105.185	8	8.250	
573	Gioăng tròn 7J-0204	Cái	12	40.348	484.179	8	37.975	
574	Gioăng tròn 7J-9933 361-3549	Cái	2	68.911	137.821	8	10.809	
575	Gioăng tròn 7M-8485	Cái	2	84.723	169.447	8	13.290	
576	Gioăng tròn 8C-3082 117-8804	Cái	4	221.077	884.308	8	69.358	
577	Gioăng tròn 8F-3469	Cái	6	56.673	340.041	8	26.670	
578	Gioăng tròn 8M-0506	Cái	5	255.756	1.278.778	10	125.370	
579	Gioăng tròn 8M-4986	Cái	2	208.834	417.669	8	32.758	
580	Gioăng tròn 8M-4987	Cái	2	187.356	374.711	8	29.389	
581	Gioăng tròn 8M-4988	Cái	2	157.268	314.535	8	24.669	
582	Gioăng tròn 8M-5249	Cái	4	196.027	784.106	8	61.499	
583	Gioăng tròn 8T-7568	Cái	4	332.889	1.331.556	8	104.436	
584	Gioăng tròn 8T-9529 310-7258	Cái	2	252.699	505.398	8	39.639	
585	Gioăng xi lanh 167-0024	Cái	6	566.719	3.400.314	8	266.691	
586	Gu zông bắt tu bô 8T-7044 418-6781	Cái	2	1.021.110	2.042.220	8	160.174	
587	Gu zông cổ xả 116-3715	Cái	2	573.347	1.146.693	8	89.937	
588	Móng hãm xu páp hút 1W-2715	Cái	6	34.740	208.437	8	16.348	
589	Ổng lót kim phun 227-1200	Cái	6	975.213	5.851.276	10	573.654	
590	Phốt 095-1574	Cái	12	39.839	478.070	8	37.496	
591	Phốt 111-4919	Cái	10	1.993.973	19.939.725	8	1.563.900	
592	Phốt 136-2216	Cái	6	2.420.767	14.524.602	8	1.139.184	
593	Phốt 161-6161	Cái	2	198.064	396.129	8	31.069	
594	Phốt 509-6495	Cái	2	1.674.077	3.348.154	8	262.600	
595	Phốt chặn bụi trục cơ (trước) 4R-9999	Cái	2	633.081	1.266.162	8	99.307	
596	Phốt chặn mở puly tăng đai 5M-9735	Cái	2	359.922	719.844	8	56.458	
597	Phốt dầu trục các đăng lai bơm thủy lực 128-3813	Cái	2	772.945	1.545.890	8	121.246	
598	Phốt dầu trục cơ 245-7339	Cái	2	1.042.023	2.084.047	8	163.455	
599	Phốt đuôi trục cơ (285-4074) 528-5684	Cái	2	3.156.669	6.313.337	8	495.164	
600	Phốt ghít xu páp hút 241-8390	Cái	2	116.017	232.034	8	18.199	
601	Phốt ghít xu páp xả 163-2478	Cái	2	133.412	266.823	8	20.927	
602	Cụm tăng chỉnh 347-7963	Cái	1	11.958.515	11.958.515	8	937.923	
603	Bu ly rãnh 279-2589	Cái	2	6.143.441	12.286.883	8	963.677	
604	Bu ly trơn 333-1207	Cái	2	7.621.942	15.243.885	8	1.195.599	
605	Ắc piston 524-5611	Cái	3	2.319.749	6.959.248	8	545.823	
606	Phanh hoãn ắc piston 7X-2908	Cái	4	127.295	509.181	8	39.936	
607	Bạc trục cam động cơ 203-5805	Cái	6	1.219.689	7.318.135	8	573.971	
608	Bạc trục cam động cơ 203-6090	Cái	6	1.147.779	6.886.673	8	540.131	
609	Bạc trục cam động cơ 216-5586	Cái	6	1.226.888	7.361.329	8	577.359	
610	Đũa đẩy xu páp động cơ 264-6156	Cái	6	1.282.989	7.697.936	8	603.760	
611	Con đội xu páp động cơ 453-5998	Cái	6	5.106.619	30.639.716	8	2.403.115	
612	Dẫn hướng con đội xu páp 467-4243	Cái	6	616.758	3.700.547	8	290.239	
613	Vít chỉnh xupap 183-4365	Cái	6	659.089	3.954.532	8	310.159	
614	Puly tăng chỉnh dây cu roa 267-7509	Cái	1	18.069.768	18.069.768	8	1.417.237	
615	Ổng chống bi pu ly tăng chỉnh dây cu roa quạt gió 1L-8545	Cái	2	1.630.159	3.260.319	8	255.711	
616	Giá đỡ +trục puly tăng chỉnh dây cu roa quạt gió 215-3296	Cái	1	9.917.886	9.917.886	8	777.873	
617	Bi chữ thập các đăng 9P-0356	Cụm	2	5.203.540	10.407.081	8	816.242	

618	Bu lông các đăng 0S-0484	Cái	12	75.034	900.406	8	70.620
619	Giảm chấn lai bơm số 211-9087	Cái	2	6.166.902	12.333.804	10	1.209.196
620	Bu lông khớp giảm chấn lai bơm số 5S-7383	Cái	5	36.785	183.924	8	14.425
621	Vòng đệm 8T-4896	Cái	5	17.850	89.250	8	7.000
622	Cao su chân máy trước 495-0353	Cái	2	23.789.616	47.579.231	8	3.731.704
623	Cao su chân máy sau 7C-3567	Cái	2	4.855.799	9.711.598	8	761.694
624	Cần điều khiển cụm van tay chang nâng hạ ben 188-2893	Cái	1	23.313.087	23.313.087	8	1.828.477
625	Gioăng phốt biển mô DSH-TQ-SK 473-9071	Bộ	1	7.890.799	7.890.799	8	618.886
626	Vòng bi đỡ cánh stato 304-9651	Cái	1	8.271.244	8.271.244	8	648.725
627	Vòng bi đỡ trục 1T-0441	Vòng	2	4.768.515	9.537.029	8	748.002
628	Vòng bi đỡ đầu trục biển mô 9H-8712	Vòng	2	2.044.201	4.088.402	8	320.659
629	Xéc măng biển mô 1T-0069	Cái	2	395.681	791.362	8	62.068
630	Xéc măng gang lắp vỏ hành tinh 1T-0097	Cái	2	283.869	567.738	8	44.528
631	Xéc măng gang lắp trục dài biển mô 9M-2008	Cái	2	238.419	476.838	8	37.399
632	Căn vòng bi kim 8E-8300	Cái	2	280.807	561.614	8	44.048
633	Trục bánh răng hành tinh biển mô 3T-4011	Cái	1	3.267.626	3.267.626	8	256.284
634	Vòng bi 2D-5658	Vòng	2	1.187.048	2.374.097	8	186.204
635	Bích hãm ca bi 1T-2070	Cái	1	6.357.839	6.357.839	8	498.654
636	Bích chặn cabi 1T-0438	Cái	2	8.389.787	16.779.573	8	1.316.045
637	Bạc trục rồng 1T-0902	Cái	2	919.300	1.838.600	8	144.204
638	Măng xéc 131-4091	Cái	2	1.406.082	2.812.164	8	220.562
639	Gioăng 146-6669	Cái	2	406.905	813.809	8	63.828
640	Gioăng 1P-8116	Cái	2	42.966	85.932	8	6.740
641	Gioăng đệm 203-2288	Cái	2	711.172	1.422.344	8	111.556
642	Phốt đầu trục hộp số 216-0273	Cái	2	2.388.823	4.777.647	8	374.717
643	Gioăng tròn 2J-4672	Cái	2	148.086	296.173	8	23.229
644	Gioăng 330-8196	Cái	2	198.064	396.129	8	31.069
645	Gioăng 3S-7781	Cái	2	162.118	324.235	8	25.430
646	Măng xéc 3T-4377	Cái	3	287.950	863.849	8	67.753
647	Gioăng 5F-9657	Cái	3	102.631	307.894	8	24.149
648	Gioăng 5M-3038	Cái	3	363.493	1.090.480	8	85.528
649	Gioăng cao su 5P-4057	Cái	3	809.784	2.429.353	8	190.537
650	Gioăng hộp số 5P-5846	Cái	3	686.183	2.058.550	8	161.455
651	Nút bịt đầu van 6V-0852	Cái	2	205.269	410.538	10	40.249
652	Măng xéc 7G-2830	Cái	2	3.822.447	7.644.893	8	599.599
653	Măng xéc 8D-9739	Cái	2	1.644.439	3.288.879	8	257.951
654	Gioăng hộp số 8M-4432	Cái	2	162.367	324.734	8	25.469
655	Gioăng 8M-5010	Cái	3	274.688	824.065	8	64.633
656	Gioăng 8M-5255	Cái	3	460.515	1.381.545	8	108.356
657	Gioăng hộp số 8M-5266	Cái	3	208.325	624.975	8	49.018
658	Gioăng đệm 8P-0058	Cái	3	168.893	506.679	8	39.740
659	Xéc măng 8P-2019	Cái	3	2.338.331	7.014.993	8	550.196
660	Xéc măng 8P-2022	Cái	2	2.534.358	5.068.715	8	397.546
661	Măng xéc 8P-2023	Cái	3	2.027.374	6.082.123	8	477.029
662	Măng xéc nhựa 9G-0281	Cái	3	2.245.960	6.737.881	8	528.461
663	Măng xéc nhựa 9G-0286	Cái	3	2.386.271	7.158.812	8	561.475
664	Ca ngoài vòng bi 1P-3934	Cái	3	2.079.003	6.237.009	8	489.177
665	Chốt trục bánh răng số 3S-2708	Cái	3	212.977	638.931	8	50.112
666	Bạc ống lót trục hộp số 3T-8729	Cái	3	570.290	1.710.871	8	134.186
667	Vòng bi 4F-2129	Vòng	3	5.374.600	16.123.800	8	1.264.612

668	Ca ngoài vòng bi 4H-0019	Vòng	3	7.494.832	22.484.495	8	1.763.490	
669	Chốt 4H-4737	Cái	2	111.812	223.624	8	17.539	
670	Chốt 5H-8985	Cái	2	79.624	159.248	8	12.490	
671	Vòng bi 5P-3930	Vòng	2	513.282	1.026.564	8	80.515	
672	Ca trong vòng bi 5P-7592	Vòng	3	2.110.054	6.330.162	8	496.483	
673	Chốt 6B-6863	Cái	2	48.511	97.021	8	7.610	
674	Chốt 6D-3044	Cái	2	82.681	165.362	8	12.970	
675	Ca ngoài vòng bi 6S-2828	Cái	3	2.116.173	6.348.520	8	497.923	
676	Ca trong vòng bi 6S-2829	Cái	3	4.012.321	12.036.963	8	944.076	
677	Vòng bi 6Y-2811	Vòng	3	1.108.560	3.325.681	8	260.838	
678	Ca trong vòng bi 7H-7628	Cái	3	3.599.394	10.798.182	8	846.916	
679	Vòng bi 7T-8816	Vòng	3	3.226.658	9.679.975	8	759.214	
680	Ca ngoài vòng bi 8D-1817	Cái	3	2.186.169	6.558.507	8	514.393	
681	Ca trong vòng bi 8D-1819	Cái	3	6.536.513	19.609.538	8	1.538.003	
682	Căn 8E-8303	Cái	3	317.019	951.057	8	74.593	
683	Căn nhựa bánh răng số 8E-8304	Cái	2	317.019	634.038	8	49.728	
684	Vòng bi 8H-5352	Vòng	2	1.716.789	3.433.579	8	269.300	
685	Bạc 8H-8175	Cái	2	797.486	1.594.972	8	125.096	
686	Măng xéc 8P-2053	Cái	3	1.364.142	4.092.426	8	320.975	
687	Chốt 9G-0832	Cái	2	608.540	1.217.080	8	95.457	
688	Bạc ống lót trục hộp số 9G-6744	Cái	2	570.800	1.141.600	8	89.537	
689	Xéc măng piston nâng hạ ben 1M-1571	Cái	3	1.161.997	3.485.991	8	273.411	
690	Phốt chấn bụi nắp xi lanh nâng hạ ben 225-3281	Cái	3	1.172.706	3.518.117	8	275.931	
691	Bạc nắp xi lanh nâng hạ ben 8T-0785	Cái	2	419.651	839.302	8	65.828	
692	Gioăng nắp xi lanh nâng hạ ben 175-7900	Cái	4	234.338	937.353	8	73.518	
693	Căn gioăng nắp xi lanh nâng hạ ben 2K-6830	Cái	4	235.357	941.428	8	73.838	
694	Bạc gối bơm lái 6E-4003	Cái	2	1.159.444	2.318.889	8	181.874	
695	Bi bơm lái 3P-1210	Vòng	4	1.344.854	5.379.416	8	421.915	
696	Ca bi bơm lái 8J-0412	Cái	4	1.432.605	5.730.419	8	449.445	
697	Gioăng nắp bơm lái 3E-6770	Cái	2	1.089.516	2.179.033	8	170.905	
698	Phốt đầu bơm lái 139-2840	Cái	2	2.282.111	4.564.222	8	357.978	
699	Bơm ép 476-8769	Cái	1	110.305.597	110.305.597	8	8.651.419	
700	Chốt hãm 112-4511	Cái	1	53.102	53.102	8	4.165	
				Giá trị trước Thuế (VND):	7.251.496.944			
				Thuế VAT (VND):	581.149.606			
				Tổng cộng (VND):	7.832.646.550			

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-CTCP 397 ngày 12.tháng..08.năm 2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT19)	Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026	7.832.464.550 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 06 năm 2026	Theo đơn giá cố định	161 ngày	Không	Không

Bảng chữ: Bảy tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi đồng./.